

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2023/DS-PT
Ngày 08-3-2023
V/v tranh chấp hợp đồng góp hội

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Ngọc Phi.

Các Thẩm phán: Ông Trần Minh Hải;
Ông Nguyễn Hoàng Thám.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Bé Thơ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:
Ông Dương Quy Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 199/2022/TLPT-DS ngày 15 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng góp hội.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 68/2022/DS-ST ngày 28 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 203/2022/QĐ-PT ngày 15 tháng 11 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 322/2022/QĐ-PT ngày 09 tháng 12 năm 2022; Quyết định tạm ngừng phiên tòa phúc thẩm số: 146/2022/QĐ-PT ngày 27 tháng 12 năm 2022; Thông báo về thời gian tiếp tục phiên tòa số: 14/TB-TA ngày 13 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Hồ Mỹ X, sinh năm 1982; nơi cư trú: Khóm T, phường P, thành phố X, tỉnh An Giang (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Hồ Thị C, sinh năm 1958; nơi cư trú: Số 235, ấp T, xã T, huyện S, tỉnh An Giang (có mặt).

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Anh Đặng Văn V, sinh năm 1977; nơi cư trú: Số 235, ấp T, xã T, huyện S, tỉnh An Giang (theo văn bản ủy quyền ngày 25/11/2019) (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Đặng Thị Thùy L, sinh năm 1980; nơi cư trú: Số 20, ấp S, thị trấn S, huyện S, tỉnh An Giang (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Bà Hồ Thị C là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Hồ Mỹ X (sau đây gọi tắt là chị X) trình bày:

Bà Hồ Thị C (sau đây gọi tắt là bà C) có tham gia các dây hội (hội mùa 04 tháng khui 01 lần) do chị làm chủ hội, gồm:

1. Dây hội 5.000.000đ mở ngày 09/6/2013, hội mãn tháng 02/2018, gồm 15 phần, bà C tham gia 01 phần. Hội khui lần thứ 02 là 2.500.000đ, bà C hốt được số tiền 37.500.000đ, bà C phải góp hội chết 13 lần là 65.000.000đ nhưng bà C đã góp 12 lần, còn nợ lại 01 lần là 5.000.000đ.

2. Dây hội 5.000.000đ mở ngày 09/6/2013, hội mãn tháng 02/2018, gồm 15 phần, bà C tham gia 01 phần. Hội khui lần thứ 02 là 2.400.000đ, bà C hốt được số tiền 38.500.000đ, bà C phải góp hội chết 13 lần là 65.000.000đ nhưng bà C đã góp 12 lần, còn nợ lại 01 lần là 5.000.000đ.

Hai dây hội này mở cùng ngày, bà C hốt cùng ngày nên ghi chung 01 biên nhận ngày 20/6/2014, bà C ký tên.

3. Dây hội 10.000.000đ mở ngày 15/02/2014, hội mãn tháng 02/2019, gồm 16 phần, bà C tham gia 02 phần:

- Phần thứ 01: Hội khui lần thứ 02 là 5.200.000đ, bà C hốt được 77.200.000đ, bà C phải góp hội chết 14 lần là 140.000.000đ nhưng bà C đã góp 10 lần, còn nợ lại 04 lần là 40.000.000đ. Bà C ký biên nhận ngày 20/6/2014.

- Phần thứ 02: Hội khui lần thứ 03 là 5.600.000đ, bà C hốt được 77.200.000đ, bà C phải góp hội chết 13 lần là 130.000.000đ nhưng bà C đã góp 09 lần, còn nợ lại 04 lần là 40.000.000đ. Bà C ký biên nhận ngày 30/9/2014.

4. Dây hội 20.000.000đ mở ngày 15/10/2013, hội mãn tháng 6/2018, gồm 15 phần, bà C tham gia 02 phần:

- Phần thứ 01: Hội khui lần thứ 02 là 10.250.000đ, bà C hốt được 126.750.000đ, bà C phải góp hội chết 13 lần là 260.000.000đ nhưng bà C đã góp 11 lần, còn nợ lại 02 lần là 40.000.000đ. Bà C ký biên nhận ngày 15/02/2014, dây hội này mở năm 2013 nhưng biên nhận ghi nhầm năm 2014.

- Phần thứ 02: Hội khui lần thứ 05 là 11.800.000đ, bà C hốt được 162.000.000đ, bà C phải góp hội chết 10 lần là 200.000.000đ nhưng bà C đã góp 08 lần, còn nợ 02 lần là 40.000.000đ. Bà C ký biên nhận ngày 03/02/2015, dây hội này mở năm 2013 nhưng biên nhận ghi nhầm năm 2014.

5. Dây hội 15.000.000đ mở ngày 09/02/2013, hội mãn tháng 9/2018, gồm 18 phần, bà C tham gia 01 phần. Hội khui lần thứ 04 là 8.550.000đ, bà C hốt được 135.300.000đ, bà C phải góp hội chết 14 lần là 210.000.000đ nhưng bà C

đã góp 11 lần, còn nợ lại 03 lần là 45.000.000đ. Bà C ký biên nhận ngày 10/02/2014, dây hụi này mở năm 2013 nhưng biên nhận ghi nhầm năm 2014.

Các dây hụi này đã ngưng khai (do có hụi viên không góp); khi ngưng hụi, các hụi viên thỏa thuận khấu trừ phần hụi sống, hụi chết, phần còn lại trả ngay vào thời điểm ngưng hụi. Riêng bà C yêu cầu tiếp tục góp hụi chết theo mùa như thỏa thuận ban đầu nên bà C ký 06 biên nhận nợ của các dây hụi như đã nêu trên. Các biên nhận do chị tự soạn mẫu, nội dung ghi tại nhà bà C, có bà C chứng kiến; tuy nhiên khi lập biên nhận, chị không mang theo sổ hụi đối chiếu nên ghi nhầm ngày tháng năm mở hụi nhưng tiền hụi chết bà C phải góp là đúng với sổ hụi. Sau khi lập các biên nhận, bà C có góp hụi đến năm 2016 không góp nữa; bà Hồ Thị C1 (là chị của bà C; cũng là cô của chị X) cho bà C mượn 100.000.000đ để trả cho chị X (bằng hình thức trừ vào khoản nợ do cha của chị X nợ bà Hồ Thị C1).

Tổng số tiền hụi chết bà C phải đóng là 1.070.000.000đ nhưng bà C đã đóng được 855.000.000đ, còn nợ lại 215.000.000đ.

Nay chị yêu cầu bà C trả tiền hụi là 215.000.000đ, không yêu cầu tính lãi.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện của bà C là anh Đặng Văn V (sau đây gọi tắt là anh V) trình bày:

Bà C có tham gia hụi do chị X làm chủ hụi; bà C đã lớn tuổi nên không nhớ cụ thể các dây hụi.

Theo trình bày của chị X và nội dung các biên nhận do chị X giao nộp là không phù hợp, cụ thể:

1. Dây hụi mùa 20.000.000đ mở ngày 15/10/2014, giao tiền ngày 15/02/2014 là không phù hợp (vì ngày 15/02/2014 chưa mở hụi); 13 phần hụi sống, 01 phần hụi chết thì tổng số tiền phải giao là 146.750.000đ nhưng chị X trình bày là 126.750.000đ là không đúng.

2. Dây hụi mùa 20.000.000đ mở ngày 15/10/2014, gồm 15 phần. Hụi khai lần thứ 05 là 11.800.000đ, bà C hốt được 162.000.000đ, bà C phải góp hụi đến mãn hụi là 200.000.000đ. Nếu bà C hốt lần thứ 05 thì giao tiền phải là ngày 15/02/2016 nhưng biên nhận nợ hụi ghi giao tiền ngày 03/02/2015 là không đúng.

3. Dây hụi mùa 15.000.000đ mở ngày 09/02/2013, gồm 18 phần. Hụi khai lần thứ 04 là 8.550.000đ, bà C hốt được 135.300.000đ, bà C phải góp đến mãn hụi là 210.000.000đ. Biên nhận ghi ngày mở hụi là ngày 09/02/2014, giao tiền ngày 10/02/2014 là không đúng, lẽ ra hốt lần thứ 04 thì giao tiền là ngày 09/6/2015 mới đúng.

4. 02 dây hụi mùa, mỗi dây 5.000.000đ mở cùng ngày 09/6/2013, mỗi dây gồm 15 phần, bà C tham gia 01 phần/dây. Cả 02 dây hụi bà C đều hốt lần thứ 02 là 2.500.000đ và 2.400.000đ, tổng số tiền là 76.300.000đ, phải góp đến mãn hụi

là 130.000.000đ. Nếu bà C hốt lần thứ 02 thì phải giao tiền ngày 15/6/2014 mới đúng.

5. Dây hội mùa 10.000.000đ mở ngày 15/02/2014, gồm 16 phần, bà C tham gia 02 phần. Biên nhận ghi ngày mở hội và ngày giao tiền không phù hợp về thời gian.

Chị X ghi tên không đầy đủ các hội viên trong danh sách hội; danh sách hội có nhiều tên Hồ Mỹ X nhưng địa chỉ khác nhau; người nhà của chị X tham gia 02 – 03 phần cùng dây hội; danh sách hội không có chữ ký của từng hội viên tham gia là không đúng.

Trước đây, chị X có đơn kiện hội viên là bà Quách Thái K nên chị X có nhờ bà C ký tên giấy tờ nhưng bà C không biết giấy gì. Khi chị X khởi kiện, thì bà C mới biết là ký tên biên nhận hội do chị X soạn sẵn.

Bà C đồng ý với Kết luận giám định số: 719 ngày 14/11/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh An Giang; đồng ý với Kết luận giám định số: 2413 ngày 13/6/2019 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Nay bà C không đồng ý yêu cầu khởi kiện của chị X.

Bà C thừa nhận còn nợ tiền hội của chị X là 45.000.000đ. Bà C đồng ý trả cho chị X số tiền 45.000.000đ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Đặng Thị Thùy L (sau đây gọi tắt là chị L) trình bày:

Trước đây, chị có nợ tiền hội của chị X nhưng bà Hồ Thị C1 và chị Dương Thị H cho mượn tiền để chị trả cho chị X dứt nợ các dây hội có chị tham gia, khi trả dứt nợ thì đã xé bỏ biên nhận. Nay chị không liên quan trong vụ án tranh chấp giữa chị X và bà C, chị yêu cầu không tham gia vào vụ án này.

Tại Bản án sơ thẩm số: 68/2022/DS-ST ngày 28/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị X. Buộc bà C có nghĩa vụ trả cho chị X số tiền 215.000.000đ.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 15/8/2022, bà C kháng cáo: Không đồng ý bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa:

- Chị X trình bày: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; đồng ý bản án sơ thẩm; không đồng ý kháng cáo của bà C.

- Bà C và người đại diện của bà C là anh Đặng Văn V cùng trình bày: Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, không đồng ý yêu cầu khởi kiện của chị X.

- Chị L: Vắng mặt.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu ý kiến:

- Về tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng: Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về giải quyết vụ án: Chị X cung cấp 05 danh sách hội trong đó có chị L tham gia nhưng giữa chị X và chị L đã giải quyết xong nên chị X rút yêu cầu khởi kiện, được Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn ra Quyết định đình chỉ số: 65/2018/QĐST-DS ngày 19/10/2018. Cấp sơ thẩm không đối chiếu danh sách hội, các biên nhận hội có sai sót nhưng cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị X là thiếu cơ sở V chắc, cần xem xét lại. Theo lời khai thừa nhận của bà C có tham gia 03 dây hội và còn nợ chị X 45.000.000đ. Tuy nhiên, qua xem xét chứng cứ thì bà C còn nợ chị X 105.000.000đ, trừ 100.000.000đ do bà Cúc trả thay (trừ nợ của cha chị X) nên bà C còn nợ chị X 5.000.000đ.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận kháng cáo của bà C. Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Sửa Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị X. Buộc bà C trả cho chị X 5.000.000đ. Bà C được miễn án phí dân sự sơ thẩm do thuộc trường hợp người cao tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hình thức đơn kháng cáo: Bà C kháng cáo trong thời hạn pháp luật quy định nên Hội đồng xét xử xem xét vụ án theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo:

[2.1] Chị X và bà C thống nhất Kết luận giám định số: 719/KLGT-PC09 ngày 14/11/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh An Giang và Kết luận giám định số: 2413/C09B ngày 13/6/2019 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Kết luận giám định số: 719/KLGT-PC09 ngày 14/11/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh An Giang và Kết luận giám định số: 2413/C09B ngày 13/6/2019 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận chữ ký dưới mục người nhận tại 06 Biên nhận cam kết góp phần hội chết là do bà C ký.

[2.2] Về 02 dây hội mùa 5.000.000đ mở cùng ngày 09/6/2013:

Chị X trình bày: “02 dây hội mùa 5.000.000đ cùng mở ngày 09/6/2013, bà C tham gia mỗi dây 01 phần, đã hốt, bà C ký biên nhận cam kết góp phần hội chết 02 dây tổng cộng là 130.000.000đ (thể hiện tại Biên nhận lập ngày 20/4/2014), bà C còn nợ mỗi dây 01 lần hội chết chưa góp 5.000.000đ, 02 dây hội là 10.000.000đ”.

Bà C trình bày: “Tôi thừa nhận tham gia 01 phần của 01 dây hội mùa 5.000.000đ mở ngày 09/6/2013, thừa nhận hiện nay còn nợ chị X 01 lần hội chết

là 5.000.000đ (của 01 dây hụi mùa 5.000.000đ mở ngày 09/6/2013); không thừa nhận tham gia 02 dây như chị X trình bày”.

Xét thấy: Theo Danh sách hụi viên và Bảng ghi nhận hụi viên hốt hụi, đóng hụi; theo Biên nhận cam kết góp phần hụi chết lập ngày 20/4/2014 (có chữ ký của bà C) ghi nhận bà C có tham gia 02 dây mùa 5.000.000đ mở ngày 09/6/2013, mỗi dây tham gia 01 phần, bà C đã hốt 02 dây hụi, bà C cam kết góp hụi chết 02 dây hụi là 130.000.000đ.

Bà C không cung cấp tài liệu, chứng cứ về việc không tham gia hụi; không cung cấp tài liệu, chứng cứ về việc đã góp đủ phần hụi chết. Do đó, chị X yêu cầu bà C trả phần hụi chết chưa góp 10.000.000đ (của 02 dây hụi mùa 5.000.000đ mở cùng ngày 09/6/2013) là có cơ sở.

[2.3] Về dây hụi mùa 10.000.000đ mở ngày 15/02/2014:

Chị X trình bày: *“Dây hụi 10.000.000đ mở ngày 15/02/2014 bà C tham gia 02 phần, đã hốt, bà C ký biên nhận cam kết góp hụi chết tổng cộng 270.000.000đ (thể hiện tại 02 biên nhận lập ngày 20/6/2014 và ngày 30/9/2014), bà C còn nợ hụi chết chưa góp là 80.000.000đ”.*

Bà C trình bày: *“Tôi tham gia 01 phần dây hụi 10.000.000đ mở ngày 15/02/2014, thừa nhận hiện nay còn nợ chị X 01 lần hụi chết là 10.000.000đ; tôi không thừa nhận tham gia 02 phần như chị X trình bày”.*

Xét thấy: Theo Danh sách hụi viên và Bảng ghi nhận hụi viên hốt hụi, đóng hụi; theo Biên nhận cam kết góp phần hụi chết lập ngày 20/6/2014 và ngày 30/9/2014 (có chữ ký của bà C) ghi nhận bà C có tham gia 02 phần của dây hụi mùa 10.000.000đ mở ngày 15/02/2014, bà C đã hốt 02 phần hụi, bà C cam kết góp hụi chết của 02 phần hụi là 270.000.000đ.

Bà C không cung cấp tài liệu, chứng cứ về việc không tham gia hụi; không cung cấp tài liệu, chứng cứ về việc đã góp đủ phần hụi chết. Do đó, chị X yêu cầu bà C trả phần hụi chết chưa góp 80.000.000đ là có cơ sở.

[2.4] Về dây hụi mùa 20.000.000đ mở ngày 15/10/2013:

Chị X trình bày: *“Dây hụi 20.000.000đ mở ngày 15/10/2013 bà C tham gia 01 phần, chị L (con bà C) tham gia 01 phần; nhưng chị L đã sang phần hụi cho bà C nên dây hụi này bà C tham gia 02 phần, đã hốt, bà C ký biên nhận cam kết góp hụi chết 02 phần tổng cộng 460.000.000đ (thể hiện tại hai Biên nhận lập ngày 15/02/2014 và ngày 03/02/2015), bà C còn nợ hụi chết chưa góp là 80.000.000đ”.*

Bà C trình bày: *“Tôi không tham gia dây hụi 20.000.000đ mở ngày 15/10/2013. Tôi không sang hụi của L. Tôi không thừa nhận lời khai của chị X”.*

Xét thấy: theo Danh sách hụi và Bảng theo dõi hụi viên hốt hụi, góp hụi ghi nhận: Chị L tham gia 01 phần, đã hốt vào kỳ thứ 06; bà C tham gia 01 phần, đã hốt vào kỳ thứ 02.

Đối với phần hụi bà C tham gia, thì bà C có ký Biên nhận lập ngày 15/02/2014 cam kết góp phần hụi chết là 260.000.000đ. Bà C không cung cấp tài liệu, chứng cứ về việc không tham gia hụi; không cung cấp tài liệu, chứng cứ về việc đã góp đủ phần hụi chết. Do đó, chị X yêu cầu bà C trả phần hụi chết chưa góp 40.000.000đ là có cơ sở.

Đối với phần hụi chị L tham gia nhưng chị X trình bày đã sang cho bà C nhưng bà C và chị L không thừa nhận có việc sang hụi như chị X trình bày; chị X không cung cấp tài liệu, chứng cứ về việc chị L sang hụi cho bà C.

Theo chị X trình bày: *“Tuy không có chứng cứ về việc chị L sang hụi cho bà C nhưng bà C có ký Biên nhận cam kết góp phần hụi chết lập ngày 03/02/2015”*. Xét thấy: Tuy bà C có ký tên tại Biên nhận cam kết góp phần hụi chết lập ngày 03/02/2015 nhưng Biên nhận ngày 03/02/2015 ghi ngày mở hụi là ngày 15/10/2014 là không phù hợp với Danh sách hụi viên và Bảng theo dõi hụi viên hốt hụi, góp hụi (ghi ngày mở hụi là ngày 15/10/2013); lời khai của chị X cũng trình bày hụi mở ngày 15/10/2013; đồng thời, Biên nhận ngày 03/02/2015 ghi 04 phần chết (tức là hốt hụi vào kỳ thứ 05) nhưng Bảng theo dõi hụi viên hốt hụi và góp hụi (do chị X cung cấp) ghi nhận chị L hốt vào kỳ thứ 06. Do đó, chị X yêu cầu bà C trả phần hụi chết chưa góp 40.000.000đ (đối với phần hụi của chị L tham gia) là không có cơ sở.

[2.5] Về dây hụi mùa 15.000.000đ mở ngày 09/02/2013:

Chị X trình bày: *“Dây hụi 15.000.000đ mở ngày 09/02/2013 bà C tham gia 01 phần, bà C đã hốt kỳ thứ 4, bà C có ký biên nhận cam kết góp phần hụi chết (thể hiện tại Biên nhận lập ngày 10/02/2014), bà C đã góp hụi chết được 11 lần, còn nợ hụi chết 03 lần chưa góp 45.000.000đ”*.

Bà C trình bày: *“Tôi thừa nhận có tham gia 01 phần dây hụi 15.000.000đ mở ngày 09/02/2013 như chị X trình bày nhưng hiện nay tôi còn nợ chị X hụi chết chưa góp 02 lần là 30.000.000đ”*.

Theo Danh sách hụi và Bảng theo dõi hụi viên hốt hụi, góp hụi, chị X ghi nhận: *“Dây hụi 15.000.000đ mở ngày 09/02/2013, gồm 18 phần, bà C tham gia 01 phần, bà C hốt kỳ thứ 11”*; theo Biên nhận cam kết góp hụi chết lập ngày 10/02/2014 ghi nhận dây hụi 15.000.000đ mở ngày 09/02/2014.

Như vậy, lời khai của chị X, Danh sách hụi, Bảng theo dõi hụi viên hốt hụi, góp hụi và Biên nhận cam kết góp hụi chết lập ngày 10/02/2014 là không phù hợp với nhau về ngày mở hụi và kỳ khui hụi bà C hốt.

Căn cứ vào Bảng theo dõi hụi viên hốt hụi, góp hụi thì bà C hốt hụi vào kỳ thứ 11, bà C phải góp hụi chết 07 lần nhưng bà C đã góp hụi chết được 11 lần (theo lời khai của chị X), vậy, bà C đã góp hụi chết dư 04 lần. Do đó, chị X trình bày bà C còn nợ 03 lần hụi chết chưa góp là không có cơ sở.

Tuy nhiên, do bà C thừa nhận hiện còn nợ chị X 02 lần hụi chết 30.000.000đ nên cấp phúc thẩm chấp nhận lời khai thừa nhận của bà C còn nợ

chị X phần hội chết chưa góp là 30.000.000đ (của dây hội 15.000.000đ mở ngày 09/02/2013).

[2.6] Từ nhận định trên, tổng hội chết bà C chưa góp với số tiền là 160.000.000đ [bao gồm: 10.000.000đ (của 02 dây hội mùa 5.000.000đ mở cùng ngày 09/6/2013); 80.000.000đ (của dây hội mùa 10.000.000đ mở ngày 15/02/2014); 40.000.000đ (của dây hội mùa 20.000.000đ mở ngày 15/10/2013); 30.000.000đ (của dây hội mùa 15.000.000đ mở ngày 09/02/2013)].

Tại Biên bản phiên tòa ngày 21/11/2019, chị X trình bày: “*Bà C ngưng góp hội từ tháng 12/2016*”; tại Biên bản đối chất ngày 11/11/2019, chị X trình bày: “*Ngày 15/10/2017, bà Hồ Thị Cúc thay bà C trả cho chị X 100.000.000đ (bằng hình thức trừ vào khoản nợ của ông N là cha của chị X có nợ bà Hồ Thị C1)*”.

Như vậy, số tiền 160.000.000đ (tiền hội chết bà C chưa góp), trừ 100.000.000đ (bà Hồ Thị C1 trả thay cho bà C), còn lại 60.000.000đ. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang nhận định bà C hiện còn nợ chị X 5.000.000đ là không có cơ sở.

[2.7] Chị X không cung cấp tài liệu, chứng cứ về việc chị X và bà C có đối chiếu những lần bà C góp phần hội chết và đối trừ 100.000.000đ (bà Hồ Thị C1 trả thay cho bà C) còn nợ lại 215.000.000đ nên chị X trình bày số tiền nợ 215.000.000đ là đã trừ 100.000.000đ (bà Hồ Thị C1 trả thay bà C) là không có cơ sở. Tuy bà C có ký tên tại 06 biên nhận nhưng 06 biên nhận có nội dung về việc bà C cam kết góp hội chết của các dây hội, không có nội dung ký nhận nợ hội 215.000.000đ; đồng thời, 06 biên nhận lập trước khi bà C bắt đầu góp hội chết và cũng trước thời gian mãn các dây hội; hơn nữa, biên nhận của dây hội 20.000.000đ (mở ngày 15/10/2013) và dây hội 15.000.000đ (mở ngày 09/02/2013) không phù hợp với Danh sách hội viên và Bảng theo dõi hội viên hót hội, góp hội (như nhận định tại mục [2.4] và [2.5]).

Cấp sơ thẩm căn cứ vào 06 biên nhận (Biên nhận ngày 10/02/2014, Biên nhận ngày 15/02/2014, 02 Biên nhận ngày 20/6/2014, Biên nhận ngày 30/9/2014 và Biên nhận ngày 03/02/2015) để buộc bà C trả cho chị X số tiền 215.000.000đ là không có cơ sở.

Do đó, cấp phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của bà C, sửa bản án sơ thẩm số: 68/2022/DS-ST ngày 28 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị X; buộc bà C có trách nhiệm trả cho chị X số tiền 60.000.000đ; chị X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật (đối với phần yêu cầu không được chấp nhận); bà C được miễn án phí dân sự sơ thẩm do thuộc trường hợp người cao tuổi.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 148; khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 2 Điều 148, khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Hồ Thị C.

2. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 68/2022/DS-ST ngày 28 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Hồ Mỹ X.

- Buộc bà Hồ Thị C có trách nhiệm trả cho chị Hồ Mỹ X số tiền 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng).

- Về chi phí tố tụng: Bà Hồ Thị C phải chịu chi phí giám định là 4.650.000đ (bốn triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng) (bà Hồ Thị C đã nộp đủ).

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Chị Hồ Mỹ X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 7.750.000đ (bảy triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng), đối trừ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị Hồ Mỹ X đã nộp là 5.375.000đ (năm triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0008909 ngày 19/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang, chị Hồ Mỹ X còn phải nộp thêm số tiền 2.375.000đ (hai triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

+ Bà Hồ Thị C được miễn án phí dân sự sơ thẩm do thuộc trường hợp người cao tuổi.

- Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Hồ Thị C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP HCM;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Phòng KTNV và THA tỉnh;
- TAND huyện Thoại Sơn;
- Chi cục THADS huyện Thoại Sơn;
- Tòa Dân sự;
- Đường sự (để thi hành);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Ngô Ngọc Phỉ